

## TRỒNG TRỌT CỦA NGƯỜI TÀY Ở THÔN PÒ CẠ, XÃ GIA CÁT, HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

PHẠM THỊ THU HÀ

Trồng trọt có vai trò rất quan trọng, góp phần cho sự tồn tại và phát triển của nhân loại. Đối với các tộc người, hoạt động trồng trọt được hình thành và phát triển trên cơ sở của các đặc điểm môi trường tự nhiên nơi cư trú. Quá trình đó được lặp đi lặp lại hàng năm theo chu kỳ mùa vụ. Từ đó, những hiểu biết của con người về tự nhiên ngày càng nhiều, phương thức thích ứng và các kỹ năng khai thác tự nhiên ngày càng trở nên thích hợp hơn.

Giống như nhiều dân tộc khác ở vùng Đông Nam Á, người Tày sống dựa chủ yếu vào trồng lúa nước. Họ là những cư dân có kiến thức chinh phục vùng thung lũng, có kỹ năng độc đáo về làm thủy lợi, trồng lúa nước và giỏi về làm vườn, trồng màu, trồng lúa trên nương. Đồng thời, họ cũng là cư dân có kiến thức về chăn nuôi và các ngành thủ công, trồng cây đặc sản (Trần Văn Hà, 1999, tr. 47).

Từ trước đến nay, hoạt động trồng trọt ở các tộc người thiểu số đã được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Bằng phương pháp chuyên ngành dưới góc nhìn dân tộc học, nhiều bài viết đã tập trung về sự hình thành, phát triển của các loại hình trồng trọt, từ canh tác ruộng nước đến nương rẫy. Nếu như canh tác ruộng

nước tạo dựng nên hệ thống thủy lợi hợp lý thì canh tác nương rẫy lại lựa chọn được hệ thống công cụ thích ứng với loại hình trồng trọt trên đất dốc (Nguyễn Anh Ngọc, 1975; Lê Sỹ Giáo, 1989; Bùi Minh Đạo, 2000).

Đánh giá sự sáng tạo của con người trong hoạt động nông nghiệp phải xuất phát trước tiên từ việc xem xét khả năng thích ứng với hoàn cảnh tự nhiên. Do đó, nghiên cứu mối quan hệ giữa con người với môi trường đã thu hút sự quan tâm của các học giả từ nhiều năm nay. Tác giả Lê Trọng Cúc khi nghiên cứu ở vùng cao Việt Nam (1998) đã sử dụng thuật ngữ “*Kiến thức bản địa*” như là một nguồn tài nguyên quan trọng trong sự phát triển nông nghiệp - nông thôn. Từ thực tế trồng trọt của người dân cho thấy, các yếu tố “*nước, phân, cần, giống*” được coi là quan trọng số một cho sự thành bại của nông nghiệp. Tác giả La Công Ý khi nghiên cứu về hệ thống “*dẫn thủy nhập điền*” của người Tày ở Việt Bắc (1977) đã khẳng định rằng, việc trồng lúa nước bao giờ cũng gắn liền với việc tiến hành các biện pháp thủy lợi; do đó, việc lấy nước tưới ruộng có một ý nghĩa to lớn và giữ một vị trí quan trọng trong sinh hoạt kinh tế của họ.

Dựa trên một số huyền thoại của người Tày như “*Báo Luông - Slaoc cái*”, “*Mỏ sừng hươu*”, huyền thoại “*Tam giới*”, “*Giống lúa Then*”..., tác giả Hoàng Bé (1987) đã giới thiệu với người đọc quá trình tìm đến cây lúa và nghề trồng lúa nước nguyên thủy của người Tày. Nghề trồng lúa xuất hiện trong lịch sử là tiền đề vật chất quan trọng dẫn đến sự tăng nhanh và tập trung dân số, hình thành đơn vị cư trú “bản” ở người Tày. Đối với cư dân miền núi, rừng có vai trò rất quan trọng, không những cung cấp lương thực thiết yếu mà còn giảm nhẹ những thiệt hại khi mùa màng thất bát, khi không có công ăn việc làm... Vì thế, hoạt động trồng rừng đã được một số tác giả quan tâm nghiên cứu, đặc biệt là nghề trồng hồi và chưng cất tinh dầu hồi của người Tày, Nùng ở Lạng Sơn (Hoàng Minh Lợi, 1990).

Dưới góc độ xã hội học - tộc người, tác giả Trần Văn Hà (1999) đã đi sâu tìm hiểu về quá trình phổ biến và tiếp nhận tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp cũng như những biểu hiện của sắc thái văn hóa sản xuất của hai dân tộc Tày, Nùng kể từ sau Khoán 10. Xuất phát từ quan niệm coi tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp như là một quá trình kéo theo những biến đổi kinh tế - xã hội, tác giả đã đưa ra những đánh giá, nhận xét về hiệu quả tác động của chính sách Đổi mới với phát triển nông nghiệp và nông thôn miền núi, những kinh nghiệm sản xuất chinh phục vùng thung lũng của nhân dân lao động Tày, Nùng trong phát triển kinh tế hộ gia đình.

Những công trình nghiên cứu trên đây về hoạt động trồng trọt của người Tày nói riêng và của các dân tộc thiểu số nói chung được đề cập ở nhiều góc độ. Mặc dù vậy,

những công trình trên dường như mới chỉ tập trung vào hoạt động trồng trọt truyền thống, chưa có sự phân tích trong mối quan hệ với những yếu tố đương đại, với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập. Vì thế, bài viết này mong muốn được góp thêm tư liệu về những biến đổi trong trồng trọt hiện nay của người Tày ở thôn Pò Cại, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

### 1. Các loại hình trồng trọt truyền thống của người Tày

Đặc điểm khí hậu ở vùng người Tày thôn Pò Cại chịu ảnh hưởng của khí hậu bốn mùa và địa hình là những dãy trũng rộng với những bãi bồi cho phép khai thác và phát triển một nền nông nghiệp tương đối đa dạng, gồm canh tác ruộng nước, canh tác nương rẫy, làm vườn, trồng cây ăn quả và trồng rừng.

Phần lớn ruộng đất của người Tày ở thôn Pò Cại thời kỳ trước Đổi mới (1986) là ruộng nước (*nà nặm*). Nói về giá trị của loại ruộng này, người Tày ở đây thường có câu tục ngữ “Ruộng được ngâm nước, thóc cũ để lưu cữu suốt 3 năm chưa dùng đến” (*Nà chắm, nặm chẻ, khẩu ké slam pi*). Một phần đáng kể đất ruộng trong thôn là ruộng bậc thang (*nà lạng*) hay ruộng cạn chờ mưa (*nà pàn*), gồm những chân ruộng nằm trên độ cao tương đối lớn so với nguồn nước, rất khó làm thủy lợi nên chủ yếu dựa vào “nước trời”. Khi những cơn mưa đầu mùa vừa trút xuống, người ta phải lập tức be bờ để giữ nước. Phần còn lại là những thửa ruộng lầy (*nà pùng*), chủ yếu trong các khe rộc hoặc ở cuối cánh đồng, gần nguồn nước. Loại ruộng này thường có đất chua, kém màu mỡ và việc canh tác tương đối khó khăn hơn.

Tuy canh tác lúa nước là chính nhưng do điều kiện đất ruộng hạn chế, dân số đông nên người Tày ở thôn Pò Cại còn phải phát thêm nương trên đất dốc để trồng lúa và hoa màu, đảm bảo nhu cầu lương thực, thực phẩm. Nơi lý tưởng cho đồng bào phát nương, đốt rẫy là rừng già bởi vì ở đây đất màu dày, lại có nhiều cây cối rậm rạp, khi bị đốt cháy sẽ đem lại lượng tro đáng kể thay cho phân bón, giúp cây trồng phát triển tốt và cỏ dại cũng ít mọc hơn.

Bên cạnh việc làm ruộng nước và nương rẫy, người Tày ở thôn Pò Cại còn chú trọng đến canh tác vườn. Dân gian thường có câu thành ngữ “*Thứ nhất canh trì, thứ hai canh viên, thứ ba canh điền*”; điều đó nói lên tầm quan trọng của mảnh vườn trong đời sống của đồng bào. Mảnh vườn cho phép thu hoạch trong nhiều năm nên sự xuất hiện của mảnh vườn là một trong những yếu tố tạo nên cuộc sống định cư bền vững. Các loại cây được trồng trong vườn chủ yếu là rau (như cải bẹ, cải trắng, cải làn, cải ngồng, bầu, bí, rau thơm) và cây ăn quả (hồng, lê, mận, chuối...).

Từ những yêu cầu đối với sản xuất nông nghiệp và đời sống, đồng bào Tày ở

thôn Pò Cại rất quan tâm đến việc trồng, tu bổ và bảo vệ rừng. Các loại cây được trồng chủ yếu là tre, nứa, mai, hồi, trâu, chè... nhằm phục vụ cho xây dựng nhà cửa, đan lát, rào vườn và làm dược liệu. Rõ ràng, từ điều kiện môi trường và lợi ích kinh tế, người Tày luôn biết tận dụng và khai thác triệt để mọi thế mạnh tài nguyên thiên nhiên sẵn có để hình thành nên truyền thống thích ứng với môi trường sinh thái thung lũng của cư dân vùng thấp.

## 2. Những biến đổi trong trồng trọt của người Tày

### 2.1. Thay đổi giống cây trồng

Nét nổi bật trong trồng trọt của người Tày ở thôn Pò Cại sau Đổi mới đến nay là sự phát triển nhanh chóng, đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, vừa đảm bảo nhu cầu lương thực, vừa tạo ra sản phẩm hàng hóa. Các giống lúa, ngô truyền thống của người Tày ở Pò Cại trước đây mặc dù có đặc điểm ngon, thơm, dẻo nhưng thường đạt năng suất thấp. Do đó hiện nay, đồng bào đã sử dụng các giống lúa và hoa màu mới cho năng suất cao vào canh tác, loại nào phù hợp với chất đất nào thì mới gieo cấy, góp phần vào tăng thu nhập cho các hộ gia đình (xem Bảng 1).

Bảng 1. Sự thay đổi giống lúa, ngô qua các thời kỳ ở thôn Pò Cại

Giai đoạn	Giống lúa	Giống ngô
1. Thời kỳ cải cách dân chủ (trước năm 1954)	- <i>Lúa tẻ</i> : cang châu, khâu muối, khâu hua, khâu pẻ, khâu pay. - <i>Lúa nếp</i> : nếp cái hoa vàng, nếp sớm.	- Ngô vàng, ngô trắng.
2. Thời kỳ tập thể hóa nông nghiệp (1960 - 1980)	- <i>Lúa tẻ</i> : mộc tuyến, mộc khâm, đoàn kết. - <i>Lúa nếp</i> : Nếp hoa vàng.	- Giống ngô KT5 của Mỹ, ngô răng ngựa, ngô vàng.
3. Từ năm 1981 đến nay	- <i>Lúa tẻ</i> : Bao thai, kim cương - <i>Lúa nếp</i> : Nếp thơm, nếp hoa vàng.	- Giống ngô Thái Lan, Trung Quốc, K54, 4300, 6654, Q3, NK88, NK67.

Nguồn: Tư liệu điền dã của tác giả tháng 7 năm 2013.

## 2.2. Cơ giới hóa trong sản xuất

Xưa kia, việc chăn nuôi trâu thường để lấy sức kéo trong nông nghiệp cùng các công việc lớn trong gia đình nhưng hiện nay, số lượng trâu được nuôi ngày càng ít do hạn chế về bãi chăn thả, không có người chăn thả. Bên cạnh đó, hầu hết các gia đình trong thôn đã có máy cày, máy tuốt lúa, máy quạt sạch, máy bơm... Một số hộ do điều kiện kinh tế còn khó khăn nên đã chung vốn với 2 - 3 nhà để mua máy cày và quay vòng luân phiên sử dụng. Điều này đã giúp cho quá trình sản xuất tiện lợi, nhanh chóng hơn rất nhiều và kịp thời vụ.

## 2.3. Thời vụ cây trồng

Thời tiết vùng núi thung lũng ở Pò Cại hay có mưa đá và sương muối, gây ảnh hưởng không nhỏ đến thời vụ và thu hoạch. Chính vì thế, đồng bào thường có sự điều chỉnh lịch cây trồng nhằm mục đích tránh những thay đổi bất thường về thời tiết, gây ảnh hưởng xấu đến mùa màng. Để tính toán thời vụ, đồng bào dựa vào lịch âm và các tiết trong năm. Do nắm được sự vận hành của thời tiết cũng như đặc tính (ưu và nhược điểm) của các giống lúa nên người Tày ở Pò Cại đã có sự chọn lựa về giống nhằm thích ứng với điều kiện sinh thái từng mùa trong năm. Nhận thấy *Kim cương* là giống lúa ngắn ngày, lại chịu được rét, sương muối nên đồng bào thường cấy vào vụ chiêm (kéo dài 3 tháng) trong khi *Bao thai* là giống lúa dài ngày nên đồng bào gieo trồng vào vụ mùa (4 - 5 tháng). Các giống lúa bản địa trước đây như *cang châu*, *mộc tuyền*, *mộc khâm*, *đoàn kết*, *nếp cái hoa vàng*... hiện nay đã không được đồng bào gieo trồng nữa do năng suất thấp và chịu rét kém.

Xưa kia, giống ngô truyền thống của đồng bào là giống ngô trắng có đặc điểm chịu hạn, chịu rét nhưng chỉ trồng được 1 vụ và cho năng suất thấp (1 sào ngô - 360 m<sup>2</sup>, cho thu hoạch được 4 - 5 tạ). Đến thời kỳ hợp tác xã, đồng bào chuyển sang giống ngô KT5 (Mỹ), Boloxit, 9698 và hiện nay, họ đã chuyển đổi sang các giống ngô lai như 4300, K54, 6654, Q3, NK88, NK67... Các giống mới hiện nay thường không bị mối mọt, vỡ dầy lại cho năng suất cao (1 sào thu hoạch được 6 - 7 tạ) và được trồng 2 vụ/năm, gồm vụ xuân và vụ đông.

## 2.4. Phân bón và thuốc trừ sâu

Hiện nay, khi mật độ dân số ngày càng cao và gây sức ép lớn đến ruộng đất thì các biến đổi hướng đến tiến bộ kỹ thuật càng được người dân chú trọng hơn. Đặc biệt là việc sử dụng các loại phân đạm, phân lân và các loại phân hóa học trên thị trường để thâm canh lúa thay thế cho phân chuồng và phân xanh trước đây. Thuốc trừ sâu cũng đã được người dân sử dụng phổ biến trong những trường hợp lúa bị sâu đục thân, cuốn lá, khô vằn, bọ xít...

## 2.5. Thủy lợi

Trước đây, để dẫn nước vào ruộng, đồng bào thường dùng nguồn nước từ các khe và đập phai, mương đi qua ruộng hoặc tát nước ở suối lên ruộng. Việc làm cọn nước chỉ được thực hiện với những nơi gần sông, nhiều nước, chảy liên tục. Với những đám ruộng xa nhà, họ phải bắc tre dẫn nước tới ruộng. Tại thôn Pò Cại, từ năm 2000, đã có dự án đập đập của Nhà nước để dẫn nước từ xã Hòa Cư (huyện Cao Lộc) về đến tận thôn; sau đó, người dân dùng máy bơm (bơm điện và/hoặc bơm dầu) để dẫn nước

vào ruộng qua các ống nhựa. Tuy nhiên, đồng bào cho biết, chỉ có khoảng 60% các hộ gia đình trong thôn được hưởng lợi từ dự án này, những mảnh ruộng ở xa hay ruộng bậc thang thì vẫn phải chờ nước mưa là chủ yếu.

### 2.6. *Đẩy mạnh các sản phẩm hàng hóa*

Có thể nói, giai đoạn sau Đổi mới, việc chọn lựa giống lúa, hoa màu, cây ăn quả thích hợp và sử dụng lao động gia đình, đất đai hợp lý đã đưa tới sự ổn định về mặt lương thực cũng như chất lượng và trình độ cao hơn trong canh tác nông nghiệp. Người dân đã được tiếp cận và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng trọt để tăng năng suất và sản lượng cây trồng. Họ cũng có sự tính toán và đầu tư thỏa đáng để tăng thu nhập. Chính vì thế, từ tự cấp, tự túc trong nội bộ gia đình, trồng trọt của người Tày giờ đây đã đáp ứng ngày càng nhiều những nhu cầu hàng hóa với thể mạnh là phát triển trồng cây ăn quả, vườn rau và trồng rừng.

Từ thực tiễn địa hình, thổ nhưỡng và các điều kiện khí hậu của thôn Pò Cại, hồng được coi là loại cây chuyên canh có thể mạnh và mang lại hiệu quả kinh tế cao cho đồng bào Tày. Các giống hồng ở đây chủ yếu là hồng cau, hồng đu đủ, hồng Bảo Lâm... Nhiều năm trở lại đây, hồng đã trở thành một trong những sản phẩm hàng hóa phát triển mạnh không những trong tỉnh Lạng Sơn mà còn được các tư thương đến tận vườn thu mua và chuyên chở tới nhiều tỉnh/thành phố khác như Hà Nội, Bắc Giang, Quảng Ninh... Thu nhập từ hồng đã giúp nhiều hộ ở thôn Pò Cại thoát nghèo và mua sắm được nhiều đồ dùng trong gia đình.

Trước đây, rau được trồng chủ yếu để phục vụ cho các bữa ăn hàng ngày trong gia

đình, nhưng hiện nay, nó đã trở thành một thứ hàng hóa phổ biến trên thị trường. Nhiều gia đình trong thôn đã trồng các loại rau (như cải bắp, cải ngồng, cải làn, rau thom...) để bán. Đặc biệt, ở thôn Pò Cại, rau thom là một trong những sản phẩm được người dân trồng khá phổ biến để đáp ứng nhu cầu cao của thị trường. Chị Tô Thị Bay - Chi hội Trưởng Chi hội Phụ nữ thôn Pò Cại cho biết, hiện nay thu nhập trung bình của gia đình chị từ bán rau thom là 150.000 - 200.000 đồng/ngày; cá biệt, ngày cao nhất thu được 500.000 đồng/ngày.

Rừng luôn có vai trò quan trọng trong việc cung cấp lâm thổ sản phục vụ cho cuộc sống của con người. Những tri thức, kinh nghiệm dân gian truyền thống trong trồng rừng đã được đồng bào tích lũy qua nhiều thế hệ, đặc biệt là việc lựa chọn các loại cây trồng phù hợp với khí hậu và chất đất của từng vùng. Tại thôn Pò Cại, đất rừng ở đây thích hợp với trồng thông và bạch đàn. Hiện nay, việc khai thác sản phẩm rừng, đặc biệt là lấy nhựa thông để bán là một trong những hoạt động mang lại thu nhập cho đồng bào nơi đây. Họ mang nhựa thông đi bán phổ biến ở cửa khẩu Chi Ma (huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn), cách trung tâm thôn 80km vì ở đó có trạm thu mua rất uy tín và chuyên nghiệp. Phỏng vấn sâu ông Đ.V.C - người dân thôn Pò Cại cho biết, hiện nay một số hộ gia đình có thu nhập từ bán nhựa thông và gỗ thông với giá trị lên tới 100 triệu đồng/năm (Giá trung bình của nhựa thông là 40.000 đồng/kg; Gỗ thông có giá 700 nghìn đồng/m<sup>3</sup> gỗ). Đây là nguồn thu nhập tiền mặt đáng kể cho một số nông hộ nơi đây.

### 3. Văn hóa tộc người trong trồng trọt

#### 3.1. Áp dụng tri thức bản địa (tri thức địa phương)

Kiến thức bản địa từ lâu đã gắn liền với đời sống và sinh hoạt của người dân, đặc biệt là các dân tộc thiểu số. Trong suốt quá trình tồn tại, tri thức bản địa cũng luôn có sự biến đổi để phù hợp với trình độ phát triển và thích ứng với các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, môi trường. Trong nhiều trường hợp, việc áp dụng các tri thức bản địa trong nông nghiệp còn như một cơ chế ứng phó về mưu sinh của đồng bào dân tộc thiểu số trong quá trình phát triển, duy trì tính bền vững của nông nghiệp.

Việc phân loại đất để gieo trồng được đồng bào Tày dựa trên sự quan sát trực tiếp về màu sắc của đất như đỏ, nâu sẫm hay đen. Từ cách phân loại này, đồng bào đã tạo được mối liên hệ giữa đất và cây trồng, loại đất nào thích hợp với trồng cây gì và cho hiệu quả ra sao. Phần lớn các kiến thức về hoạt động sản xuất của người Tày dựa trên sự quan sát trực tiếp; đó không chỉ là việc dùng lại ở hiểu biết về đất đai, khí hậu nơi định cư mà đó còn là những ứng xử của tộc người trong quản lý và bảo vệ môi trường.

Tri thức địa phương của tộc người trong sản xuất nông nghiệp còn có một vai trò nhất định trong việc nâng cao thu nhập. Với những giống lúa truyền thống, thông thường, sau mỗi vụ thu hoạch, đồng bào lại chọn những giống tốt nhất để lại cho năm sau cấy. Tuy nhiên, qua thời gian, năng suất của các giống lúa bản địa này dường như không phù hợp với sự thay đổi của môi trường nên đồng bào đã phải sử dụng giống mới. Tuy nhiên, khi sử dụng giống mới, dựa

vào kinh nghiệm canh tác truyền thống, đồng bào vẫn có sự linh hoạt trong làm đất, cấy và chăm sóc để giống lúa đó thích ứng với điều kiện của địa phương. Dựa trên nền tảng canh tác truyền thống đó, khi tiếp thu những kỹ thuật mới, họ càng phát huy tốt sở trường của mình. Ngoài cây lúa, một số loại cây lương thực và ăn quả khác như rau thom, ngô, sắn, hồng... cũng được đổi mới canh tác theo phương thức ấy (Phạm Thị Thu Hà, 2012, tr. 67).

#### 3.2. Tương trợ cộng đồng qua hình thức tổ đổi công và phường hội

Trồng trọt là một trong những hoạt động đòi hỏi tính thời vụ cao, cường độ lớn và có sự phân công theo giới rõ nét ở một số công đoạn, từ làm đất, cày cấy, chăm sóc và thu hoạch... Những đặc điểm ấy đòi hỏi trong quá trình canh tác, cần có sự tương trợ lao động lẫn nhau giữa những thành viên trong gia đình và dòng họ. Để thực hiện sự tương trợ lao động theo hình thức này, người dân thành lập các nhóm bao gồm lao động của nhiều hộ. Nguyên tắc vận hành của nhóm là vận công và đổi công. Hình thức tương trợ lao động theo kiểu tổ đổi công của người Tày ở thôn Pò Cại không chỉ đơn thuần phản ánh tinh thần tương thân, tương ái giữa các thành viên trong cộng đồng với nhau mà còn đáp ứng những nhu cầu khác của hoạt động nông nghiệp. Thứ nhất, nó khắc phục tình trạng không cân đối giữa lao động nam và nữ ở nhiều hộ gia đình nhằm đảm bảo phân công lao động theo giới trong sản xuất. Thứ hai, nó nhằm đảm bảo thu hoạch kịp thời vụ.

Vai trò của các đoàn thể (như Hội Hiếu, Chi hội Nông dân, Chi hội Phụ nữ...)

trong thôn Pò Cại cũng là một trong những nhân tố quan trọng, góp phần đảm bảo sinh kế tộc người. Đặc biệt, Hội Hiếu hiện nay được coi là một tổ chức hoạt động khá tốt: những gia đình nào khó khăn, trông trọt được ít thì được các hội viên khác giúp đỡ bằng cách cử người đi làm giúp và thường xuyên đến động viên làm ăn để phát triển hơn. Điều đó tạo nên một động lực thúc đẩy trông trọt phát triển ở các gia đình.

Tính năng động tộc người cũng là một trong những yếu tố văn hóa góp phần đảm bảo sự ổn định trong trông trọt của người Tày. Nó được biểu hiện ở sự nhạy bén, có ý thức tìm hiểu và thử nghiệm của người Tày trong việc ứng dụng linh hoạt các loại giống lúa và hoa màu vào trong canh tác sao cho chúng phù hợp với sự thay đổi của khí hậu, thời tiết và nhu cầu của thị trường.

#### **4. Những yếu tố tác động đến sự biến đổi trong trông trọt của người Tày**

##### **4.1. Các chính sách, dự án của Nhà nước**

Với sự tác động thiết thực từ các chính sách, hỗ trợ của Nhà nước, hoạt động trông trọt của người Tày ở Pò Cại đã có sự thay đổi theo hướng tích cực. Trên cơ sở nghiên cứu tiềm năng và điều kiện sẵn có, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Cao Lộc đã hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi cho các hộ nghèo, trợ giá, trợ cước cho đồng bào trong thôn; đồng thời, chỉ đạo cơ sở đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật. Các công trình thủy lợi như hồ, đập, trạm bơm nước, kiên cố hóa kênh mương đã được Nhà nước cấp vốn và xi măng để xây dựng và nâng cấp, tạo nên hệ thống tưới tiêu khá hoàn chỉnh. Hội Khuyến nông của xã Gia Cát còn thỉnh

thoảng mở lớp dạy, hướng dẫn sử dụng và sửa chữa máy cày, máy tuốt lúa... cho đồng bào trong thôn, việc đi học còn được hỗ trợ ngày công bằng tiền mặt nhằm động viên người dân tham gia các buổi học đầy đủ.

Năm 1999, xã Gia Cát đã nhận được Dự án Việt - Đức với mục tiêu hỗ trợ về trông thông nhằm phủ xanh đất trống, đồi trọc. Với dự án này, người dân đã được hưởng lợi khá nhiều và không phải mất nhiều chi phí cho việc trông và chăm sóc. Đến nay, như đã đề cập ở trên, nhựa thông đang là một trong những nguồn thu nhập đáng kể của nhiều hộ gia đình trong thôn, giúp họ vươn lên làm giàu ngay trên mảnh đất của mình.

Năm 2008, Tổ chức PAM (Chương trình Lương thực của Liên Hợp quốc) đã có trụ sở chi nhánh ở xã Gia Cát với mục đích hướng dẫn người dân cách làm sạch môi trường, đặc biệt là việc sử dụng phân vi sinh trong trông trọt. Theo đó, thôn Pò Cại đã có vài người được cử đi học tại xã. Lớp học này mở được khoảng 6 tháng, mỗi tuần học 2 buổi. Trong những năm đầu khi thực hiện dự án này, phân vi sinh đã được phát miễn phí cho đồng bào sử dụng thử nghiệm.

##### **4.2. Khả năng tiếp cận thị trường**

Hệ thống giao thông tại địa phương là một trong những yếu tố giúp đảm bảo sinh kế của các tộc người cũng như ảnh hưởng lớn đến mạng lưới thị trường thông qua việc giảm chi phí vận chuyển và giá thành sản phẩm. Giao thông thuận tiện thì sản phẩm nông - lâm nghiệp mới trở thành hàng hóa, tương xứng với giá trị sức lao động, nâng cao thu nhập cho đồng bào, cải thiện cuộc sống. Tại thôn Pò Cại, đường giao thông

mới được tu sửa những năm gần đây, do đó, đã giúp người dân thuận tiện trong việc đi lại và trao đổi hàng hóa. Bên cạnh đó, sự thuận tiện này đã khuyến khích tư thương từ các nơi khác đến thu mua sản phẩm tại nhà của nông dân, đặc biệt là vào những vụ thu hoạch hồng. Địa bàn thôn Pò Cại cũng nằm ở vị trí khá thuận lợi cho việc trao đổi, mua bán hàng hóa tại chợ, chủ yếu là chợ Bản Ngà (cách trung tâm thôn 4km) và chợ Kỳ Lừa (cách trung tâm thôn 6km).

## **5. Những vấn đề đặt ra**

### **5.1. Đất đai với phát triển nông nghiệp bền vững**

Một trong những vấn đề khó khăn của người dân trong thôn hiện nay là vấn đề đất đai và việc làm của đồng bào. Đối với người nông dân, đất đai là tư liệu sản xuất quan trọng và quý giá nhất để đảm bảo kế sinh nhai. Song trên thực tế, diện tích đất nông nghiệp, đặc biệt là ruộng nước của mỗi hộ gia đình người Tày ở thôn Pò Cại lại rất hạn chế. Trường hợp của gia đình chị Tô Thị Bay, nhà có 5 nhân khẩu mà chỉ có 2 sào ruộng; do không có tiền mua đất nên gia đình chị đã phải đi thuê đất canh tác ở trong thôn Pò Cại để trồng lúa và rau mang đi bán, mỗi sào phải trả cho chủ đất 60kg thóc khô/ vụ. Như vậy, vốn là những người nông dân gắn bó lâu đời với nông nghiệp thì hiện nay khi nguồn “vốn tự nhiên” bị giảm đi, đồng bào phải đi thuê ruộng ở các gia đình trong thôn, thậm chí chấp nhận đi mua ruộng để canh tác lâu dài. Đó chỉ là một ví dụ về nhu cầu về đất sản xuất trong thôn Pò Cại hiện nay cũng như tầm quan trọng, không thể thiếu của nó với cư dân địa phương. Thực tế khảo sát tại thôn này cũng chỉ ra rằng, cho dù

người dân có tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp (như làm thuê, kinh doanh, dịch vụ...) nhưng với họ, đất đai và canh tác ruộng nước vẫn là nguồn sinh kế quan trọng.

### **5.2. Khó khăn về địa hình, địa lý tự nhiên**

Ruộng của người Tày ở thôn Pò Cại chủ yếu là ruộng bậc thang, còn ruộng bằng chiếm tỷ lệ rất ít, nên các khâu cày cấy, nước tưới cho ruộng gặp khá nhiều khó khăn. Phòng vấn anh Tô Văn Đoàn ở thôn Pò Cại cho thấy, để tiến hành làm đất trước khi cấy, gia đình anh phải vận chuyển máy cày từ thửa ruộng trên xuống thửa dưới bằng cách dùng cây gác lên và có người hỗ trợ kéo. Việc trồng ngô trên nương cũng chủ yếu được thực hiện trên đất dốc. Với những mảnh nương có độ dốc ít, đồng bào có thể dùng cây gác nhưng với những mảnh nương có độ dốc lớn thì phải dùng cuốc. Do đó, về mặt sản xuất nông nghiệp, người dân gặp khá nhiều khó khăn do địa hình không thuận lợi.

Nguồn nước ở thôn Pò Cại lại khan hiếm vào mùa khô nên canh tác ruộng ở đây phải chờ vào nước mưa là chính. Khảo sát tại địa phương chỉ ra rằng, những thôn khác trong xã Gia Cát được tiếp nhận khá nhiều những dự án về trồng cam, khoai tây, ớt... vì các thôn đó có nguồn nước rất phong phú; trong khi đó, thôn Pò Cại do không thuận lợi về thủy lợi nên không được tiếp nhận những dự án này.

### **5.3. Biến động giá cả thị trường trong nước và sự cạnh tranh của thị trường Trung Quốc**

Một trong những khó khăn của đồng bào hiện nay là thiếu vốn sản xuất, thị trường phức tạp, giá cả thất thường, hàng

hóa nông sản làm ra thường bị lỗ vốn. Tại thời điểm năm 2013, 1kg ngô có giá 4.000 - 5.000 đồng trong khi người dân phải mất 4 - 5 tháng mới làm xong một vụ, chưa kể đến việc mua 1kg ngô giống đã tốn khoảng 120.000 - 140.000 đồng. Thị trường ngô thời gian gần đây còn gặp nhiều khó khăn, khi ngô chưa được phơi khô hẳn thì các tư thương đã đến thu mua để buôn sang Trung Quốc qua cửa khẩu Chi Ma (huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn). Việc buôn bán phải thông qua rất nhiều người. Khi vận chuyển, do nhiều yếu tố khác nhau, đặc biệt là thời tiết quá nóng, nên số lượng ngô bị thối rất nhiều. Đó là một trong những lý do làm giảm nhu cầu của thị trường Trung Quốc.

Sự chèn ép của nhiều nông sản hàng hóa từ Trung Quốc cũng là một trong những khó khăn về trồng trọt của người Tày ở đây. Ông Đinh Văn Chạ - người dân thôn Pò Cại cho biết, hiện nay, hồng của Trung Quốc tràn sang Việt Nam qua các cửa khẩu ở Lạng Sơn rất nhiều và được các tư thương mang về xuôi bán. Đặc điểm của loại hồng này là giá thành rẻ hơn 1/2 so với hồng ta, quả đẹp, bóng, to. Những năm trước đây, người dân trong thôn Pò Cại bán được rất nhiều hồng nhưng gần đây, hồng đang bị chững lại. Nếu như năm 2012, hồng Bảo Lâm có giá là 30.000 đồng/kg thì năm 2013 chỉ còn 20.000 đồng/kg. Khoai tây cũng là thực phẩm mà đồng bào bị sức ép từ phía Trung Quốc. Những năm gần đây, khoai tây của Trung Quốc tràn vào qua cửa khẩu rất nhiều với giá rẻ làm thị trường khoai tây của thôn Pò Cại không bán được; người dân đã phải mang về phục vụ chăn nuôi.

#### **5.4. Rủi ro về thiên tai và biến đổi khí hậu**

Những rủi ro về thiên tai (như lũ lụt, hạn hán...) là một trong những nguyên nhân gây cản trở tới trồng trọt của người Tày ở thôn Pò Cại. Vào hai năm 2011 và 2013, do hạn hán và lũ lụt nên sản lượng lương thực và hoa màu của người dân trong thôn sụt giảm đáng kể. Trường hợp gia đình bà Đoàn Thị Nguyên đã mất đi 6 sào ruộng, gây thiệt hại nặng nề. Nhiều gia đình do không thu hoạch được đã phải đi mua gạo ăn trong thời gian 6 tháng.

Khí hậu lạnh những năm gần đây cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến sản lượng lúa vì lúa hay bị lép. Có những vụ, đồng bào phải cắt hết đi để đốt làm phân rau và dùng vào chăn nuôi. Thời tiết mùa đông ở Pò Cại hay có sương muối, sương giá đã làm rau chết nhiều, ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người dân trong thôn.

Hồng được coi là một trong những nguồn thu nhập chủ yếu từ trồng trọt của đa số các hộ gia đình ở thôn Pò Cại. Tuy vậy, thời gian gần đây, nhiều nhà có vườn hồng rất sai quả nhưng chưa kịp thu hoạch thì đã bị rụng hết, rụng trơ cả quả đồi, thậm chí khi quả còn xanh cũng rụng. Đồng bào cũng chưa rõ nguyên nhân vì sao và cán bộ Khuyến nông, Hội Nông dân cũng chưa có những chỉ dẫn cụ thể về kỹ thuật.

#### **Kết luận**

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sự tác động của khoa học kỹ thuật và kinh tế thị trường đã làm cho hoạt động trồng trọt của người Tày ở thôn Pò Cại có nhiều biến đổi. Điều đó được thể hiện ở sự

đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, cơ giới hóa trong sản xuất, sự thay đổi về thời vụ, thủy lợi, phân bón và đẩy mạnh các sản phẩm hàng hóa. Tuy nhiên, sự biến đổi này không tách rời khỏi những tri thức bản địa trong nông nghiệp truyền thống mà là sự điều chỉnh, thích nghi với điều kiện môi trường mới.

Bên cạnh các chính sách của Nhà nước hỗ trợ đồng bào phát triển sản xuất, những yếu tố khác tác động đến sự đổi thay trong trồng trọt của người Tày là khả năng tiếp cận thị trường, sự năng động, linh hoạt và thay đổi trong tư duy. Do đó, lối làm ăn không kế hoạch, không tập trung đầu tư trước đây đã được thay thế bằng lối làm ăn tiên tiến theo kiểu hàng hóa, không chỉ kỳ vọng âm no mà còn hy vọng làm giàu.

Tuy vậy, hoạt động trồng trọt ở Pò Cại hiện nay đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Đó là làm thế nào để đảm bảo an ninh lương thực lâu dài trong khi đất đai, nguồn nước hạn chế; những khó khăn về canh tác trên đất dốc; biến động giá cả thị trường trong nước và sự cạnh tranh của thị trường Trung Quốc; những rủi ro về thiên tai và biến đổi khí hậu dự báo sẽ vẫn còn tiếp diễn... Thông tin từ nghiên cứu trường hợp ở Pò Cại cho thấy, vấn đề này cần được tiếp tục thảo luận để đưa ra những giải pháp phù hợp.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Hoàng Bé (1987), “Những huyền thoại lúa nước và một số nét về kinh tế - xã

hội truyền thống của người Tày”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 94-103.

2. Bùi Minh Đạo (2000), *Trồng trọt truyền thống của các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

3. Lê Sĩ Giáo (1989), “Canh tác nương rẫy với vấn đề xây dựng kinh tế hộ gia đình”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 74-81.

4. Phạm Thị Thu Hà (2012), “Văn hóa tộc người với đảm bảo sinh kế (Nghiên cứu ở một số dân tộc thiểu số tại 3 tỉnh Lạng Sơn, Nghệ An và An Giang)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5&6, tr. 66-73.

5. Hoàng Minh Lợi (1990), “Nghề trồng hồi và chưng cất tinh dầu hồi theo kỹ thuật cổ truyền của người Tày, Nùng Lạng Sơn”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 62-69.

6. Trần Văn Hà (1999), *Các dân tộc Tày, Nùng với tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Nguyễn Anh Ngọc (1975), “Trồng trọt ruộng màu và thổ canh hóc đá của người Lô Lô Hà Giang”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 74-80.

8. Hoàng Xuân Tý, Lê Trọng Cúc (1998), *Kiến thức bản địa của đồng bào vùng cao trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

9. La Công Ý (1977), “Về các phương pháp “dẫn thủy nhập điền” của người Tày ở Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 53-62.